

LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỐ BỐN

QUYỂN 21

1. Nói về sáu môn như kiết v.v...

Từ phần thứ hai này nói về sáu môn như môn kiết v.v... trong đó chia làm hai: 1. Nói về kiết v.v... 2. Nói rộng nói các môn.

1) Nói về kiết v.v... chia làm hai: 1. Nói về năm như môn kiết v.v... Nói về sáu cấu, trong phần nói về năm môn như môn kiết v.v... chia làm hai: 1. Nêu chương; 2. Giải thích riêng. 1. Nêu chương: Luận chép: Đã nói về tùy miên và triền như thế, Thế tôn nói đó là lậu bộc lưu v.v... Nó chỉ là như vậy hay có cái khác?

Tụng rằng:

Do kiết điều khác nhau

Lại nói có năm thứ.

Giải thích: Ngoại trừ các lậu, do kiết v.v... khác nhau, lại có năm thứ: Kiết, phược, tùy miên, phiền não và triền.

2. Giải thích riêng:

Từ phần thứ hai này là giải thích riêng, trong đó chia làm năm: 1. Giải thích kiết. 2. Giải thích phược. 3. Giải thích tùy miên. 4. Giải thích tùy phiền não. 5. Giải thích triền.

Trong giải thích kiết chia làm ba: 1. Nói về chín kiết; 2. Nói về năm kiết phần dưới; 3. Nói về năm kiết phần trên.

1) Chín kiết là gì?

Tụng rằng:

Chín kiết vật thủ thủy

Lập hai kiết: kiến, thủ

Do hai (Kiến kiết và Thủ kiết) chỉ bất thiện.

Và tự tại hiện khởi

Trong triền chỉ tật, san,

Kiến lập làm hai kiết

Hoặc vì hai (tật và san) thường hành

Là nhân của nghèo hèn

*Vì hiển khắp tùy hoặc**Não loạn hai bộ chúng (xuất gia- tại gia).*

Giải thích: Chín kiết: là Ái kiết, nhuế kiết, mạn kiết, vô minh kiết, kiến kiết, (đó là ba kiến) sáu là thủ kiết, (đó là hai thủ), bảy là nghi kiết, tám là tật kiết, chín là san kiết. Trong đó nhuế kiết, tật kiết, san kiết chỉ trói buộc cõi Dục, còn lại trùm khắp ba cõi.

Hỏi: vì sao ba kiến gọi là kiến kiết? Hai thủ gọi là thủ kiết?

Đáp: tụng nói vật thủ v.v... nghĩa là ba kiến và hai thủ, một là vật v.v... hai là thủ v.v... Nói vật v.v... thì vật là thể. Ba kiến có mười tám vật. Hai thủ cũng có mười tám vật nên gọi là vật v.v... Kiến có mười tám, nghĩa là trong khổ đế có thân kiến, biên kiến. Trong bốn đế, đều có tà kiến, hợp thành sáu kiến. Ba cõi, mỗi cõi có sáu, nên thành mười tám. Mười tám thủ: Nếu cõi dưới có hai thủ thì Tập và Diệt đều có một thủ, nghĩa là chỉ kiến thủ, trong đạo cũng có hai thủ, cho nên thành sáu thủ, ba cõi đều có sáu, cho nên thành mười tám. Nói thủ v.v... là ba kiến v.v... là sở thủ. Hai thủ v.v... là năng thủ nên gọi là thủ v.v... nghĩa là do giới thủ nên chấp thân kiến v.v... là năm tịnh, hoặc khởi kiến thủ, chấp thân kiến v.v... là sở thủ, hai thủ v.v... là năng thủ, nên gọi là thủ.v.v... Nghĩa là do giới cấm chấp lấy thân kiến.v.v... cho là tốt đẹp. Cho nên thân kiến v.v... gọi là sở thủ. Giới cấm thủ và kiến thủ gọi là năng thủ. Do hai (giới cấm thủ, kiến thủ) chỉ có bất thiện và tự tại sinh ra: Nghĩa là tật và san chỉ có tánh bất thiện. Lại nữa, tật và san chỉ có tự tại khởi không theo cái khác. Chỉ tự sức mạnh của nó nên gọi là tự tại khởi. Do hai nghĩa tốt đẹp này, lập riêng triền là kiết. Giải thích này là phi lý, luận chủ bác bỏ rằng: nếu triền chỉ có tám thì giải thích này có thể đúng. Nếu chấp nhận có mười triền thì giải thích này sai. Vì phần và phú cũng có đủ hai nghĩa, nên phải lập làm kiết. Do đây nên nói lỗi của san và tật là san nặng:

1) Thường hiện hành. Nghĩa là do tật, san thường hiện hành.

2) Tật san là nhân của nghèo hèn. Tật là nhân của hèn, san là nhân của nghèo.

3) Biểu hiện khắp tùy hoặc. Nghĩa là biểu hiện khắp tùy phiền não hoan (vui vẻ), thích (lo buồn). Đó là tật tương ứng với ưu (lo buồn), biểu hiện khắp tùy hoặc thích. San tương ứng với hỷ (vui vẻ), biến khắp tùy phiền não hoan.

4) Nó làm não loạn chúng tại gia và xuất gia. Nghĩa là chúng xuất gia đối với giáo pháp bị tật, san làm não loạn, chúng tại gia đối với tài vật bị tật, san não loạn.

5) Hoặc não loạn, A-tố-lạc trời (A-tu-la). Nghĩa là trời Đế-thích có vì cam lộ, a-tố-lạc có nữ sắc. Cõi trời san vị tạt sắc, A-tố-lạc san sắc tạt vị, từ đó xảy ra đấu tranh.

6) Hoặc não loạn hai cõi tốt đẹp trời, người.

7) Hoặc não loạn người khác và bộ mình. Bộ là chúng. Nghĩa là san não loạn tự chúng, tạt não loạn người ngoài. Do bảy nghĩa trên, nên đối với mười thiên, chỉ có hai được xếp vào kiết. Tụng chép: vì não loạn hai bộ: Nên biết hai bộ này thuộc hai bộ của bốn loại sau.

3. Nói về năm kiết phần dưới:

Từ phần thứ hai này, nói về năm phần dưới. Luận chép: Ở chỗ khác Phật y theo sai biệt môn, tức là vì kiết thanh mà nói có năm thứ.

Tụng rằng:

*Lại năm thuận phần dưới
Do hai (tham, sân) không thoát Dục
Do ba (thân kiến.v.v...) trở lại Dục
Nhiếp môn căn nên ba
Hoặc không muốn đến cõi
Mê đạo và nghi đạo
Năng chướng đường giải thoát
Nên chỉ nói dứt ba.*

Giải thích: lại năm thuận phần dưới: Thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục tham, sân.

Hỏi: vì sao năm thứ này gọi là thuận phần dưới?

Đáp: dưới là cõi Dục, năm thứ này thuận theo mà tăng thêm cõi phần dưới giới, gọi là thuận phần dưới. Do hai (tham, sân) không vượt qua dục, do ba (thân, kiến v.v...) lại trở về cõi Dục: là giải thích thuận hạ (cõi Dục). Do tham, sân không vượt qua cõi Dục. Nếu vượt lên trên sinh Hữu Đảnh, do thân kiến v.v... nên sinh trở lại cõi Dục. Cho nên nói nói tham, sân như lính giữ ngục, thân kiến v.v... như lính tuần tra. Nói năm thứ này là thuận phần dưới, có thuyết nói là phần dưới, nghĩa là hữu tình ở cõi dưới tức là dị sinh (chúng sinh) và chấp cõi dưới là cõi Dục: Ba thứ trước làm ngăn ngại sự vượt lên của hữu tình ở cõi dưới, hai thứ sau có thể làm cho không vượt qua cõi Dục, năm thứ ấy đều được gọi là thuận phần dưới.

Hỏi: Như các vị Dư lưu dứt bỏ sáu phiền não, vì sao kinh nói dứt bỏ ba kiết?

Đáp: Điều này có hai sự nói, sự thứ nhất giải thích: Tụng rằng: Nhiếp môn căn nên ba, nói nhiếp môn: Đó là thân kiến ở một môn, là

khổ môn. Giới cấm thủ ở hai môn, là khổ môn và đạo môn. Nghi có cả bốn môn là khổ môn, tập môn, diệt môn, đạo môn. Nói dứt ba thứ, vì gồm cả ba môn kia. Nói dứt ba thứ rồi nói dứt sáu thứ. Nói nhiếp căn: Nghĩa là biên kiến dựa vào thân kiến mà chuyển biến, kiến thủ dựa vào giới cấm thủ mà thay đổi, tà kiến dựa vào nghi mà chuyển biến, vì vậy nói dứt ba thứ. Thu nhiếp ba căn kia nên nói dứt bỏ ba kiết, đã nói dứt bỏ sáu phiền não. Hoặc không muốn đến các cõi, sau đây là giải thích thứ hai, có người nói: là nói về giải thích của Sư khác. Người phàm đến các nơi khác nhau, vì có ba chương: 1. Không muốn đến các cõi; 2. Bỏ chánh đạo, theo tà đạo; 3. Nghi chánh đạo. Người hướng về giải thoát cũng có ba chương.

1. Không muốn đến các cõi, là do thân kiến chấp ngã và ngã sở, sợ giải thoát, không muốn đến các cõi; 2. Mê mờ chánh đạo, là vì giới cấm chấp lấy phi đạo nên mê mờ chánh đạo; 3. Nghi ngờ đạo, là do nghi nên đối với đạo còn do dự. Đức Phật hiển bày nói vị Dự lưu dứt hẳn như vậy. Vì ngăn ngại hướng đến giải thoát nên nói dứt ba kiết.

4. Nói về năm kiết phần trên:

Từ phần thứ ba này, nói về năm kiết phần trên. Luận chép: trong các kinh Đức Phật cũng nói về thuận phần trên như thuận phần dưới cũng có năm thứ.

Tụng rằng:

Thuận phần trên cũng năm

Hai tham Sắc, Vô Sắc

Trạo cử, mạn vô minh

Khiến không vượt lên được

Giải thích: Thuận phần trên có năm: 1. Tham của cõi Sắc; 2. Tham của cõi Vô Sắc; 3. Trạo cử của cõi Sắc, cõi Vô Sắc; 4. Mạn của cõi Sắc, cõi Vô Sắc; 5. Vô minh của cõi Sắc. Do năm thứ này có thể làm cho chúng hữu tình không vượt lên cõi trên, gọi là thuận phần trên kiết. Vì tham quá nặng, nên luận riêng về hai cõi (sắc, Vô Sắc).

5. Nói về ba phược:

Từ phần thứ hai này, nói về ba phược. Luận chép: Đã nói về kiết, vậy phược thế nào?

Tụng rằng: Ba phược do ba thọ.

Giải thích: Phược có ba thứ: Tham phược, sân phược và si phược. Vì sao nói ba thứ này là phược? Đó là dựa vào ba thọ nên xếp vào ba phược. Nghĩa là đối với lạc thọ, tham phược tùy tăng, đối với khổ thọ, sân phược tùy tăng, đối với xả thọ, si phược tùy tăng. Vì sở duyên tương

ưng đều tùy tăng nên đối với xả thọ cũng có tham, sân, chướng phải như si.

6. Nói về tùy miên:

Từ phần thứ ba này, nói về Tùy miên. Luận chép: Đã phân biệt phước còn tùy miên thế nào?

Tụng rằng:

Tùy miên trước đã nói.

Giải thích: Tùy miên có sáu cho đến chín mươi tám phẩm, ban đầu đã nói.

7. Nói về tùy phiền não:

Từ phần thứ tư này, nói về tùy phiền não.

Tụng rằng:

Ngoài tùy phiền não này

Hành uẩn tâm nhiễm ô.

Giải thích: Ngoài tùy phiền não này là ngoài tùy miên này, còn lại là triền, cấu v.v... gọi là Tùy phiền não. Vì tùy theo phiền não căn bản mà khởi, nên gọi là tùy phiền não. Tùy phiền não này là tâm sở nhiễm ô, thuộc về hành uẩn.

8. Nói về triền:

Từ phần thứ năm này là nói về triền. Tụng rằng:

Tám triền, vô tâm quý

Tật, san và hối miên

Và trạo cử hôn trầm

Hoặc mười thêm phần phú

Vô tâm, san, trạo cử

Đều từ tham sinh ra

Vô quý, miên hôn trầm

Đều từ vô minh khởi

Tật, phần theo sân khởi,

Hối từ nghi phú tránh.

Giải thích: Một bài tụng trước là nêu triền, nửa bài tụng kế là nói về căn bản đẳng lưu. Triền có tám: Phẩm loại Túc luận nói: Hoặc có mười: Như các sư trong Tỳ-Bà-Sát nói. Triền có mười: vô tâm, vô quý, tật, san, hối, miên, trạo cử, hôn trầm, phần, phú. Vô tâm, vô quý trong phẩm Căn đã giải thích. Tật: Nghĩa là đối với các việc tốt đẹp của người, làm cho tâm mình không vui. San: là không bố thí tài pháp cho người. Hối tức là ác tác, trong phẩm Căn đã giải thích. Miên: Nghĩa là tánh nó làm cho tâm mờ tối. Hối, miên tuy có cả thiện, ác nhưng nay

trong mười triển chỉ lấy nhiễm ô; Trạo cử, hôn trầm cũng đã giải thích ở phẩm Căn. Làm cho tâm bực tức phát khởi gọi là Phẫn. Che giấu tội mình làm gọi là Phú. Vô tâm, san, trạo cử là quả đẳng lưu của tham. Vô quý, miên, hôn trầm là đẳng lưu của vô minh. Tật, phẫn là đẳng lưu của sân. Hối là đẳng lưu của nghi. Phú có người nói là đẳng lưu của tham, có người nói đẳng lưu của si, có người nói là đẳng lưu của tham và si; có người nói phú của người trí là đẳng lưu của tham, phú của người vô trí là đẳng lưu của si. Tụng chép: Phú tránh có ba thuyết khác nhau, nên gọi là Tránh.

9. Nói về phiền não sáu cấu:

Từ thứ hai của đại văn này, nói về phiền não sáu cấu.

Tụng rằng:

*Sáu não phiền não cấu
Hại, hận, siểm, cuống, kiêu.
Cuống, kiêu từ tham sinh
Hại, hận từ sân khởi
Não từ kiến thủ khởi
Siểm từ các kiến sinh.*

Giải thích: hai câu trước nói về sáu cấu, bốn câu kế nói về đẳng lưu của bốn hoặc. Não, hại, hận, siểm, cuống, kiêu theo phiền não sinh, dơ uest thô nặng gọi là cấu phiền não. Não: là chấp chặt tội của các hữu, do đó không chịu nghe lời can ngăn dạy bảo đúng lý. Hại: là ép ngặt, hành là đánh mắng, hận là kết oán. Siểm: Là tâm cong vạy. Cuống: Nghĩa là mê hoặc người phẫn kiêu: Căn đã giải thích. Cuống, kiêu là đẳng lưu của tham, hại, hận là đẳng lưu của sân, não là đẳng lưu của kiến thủ, siểm là đẳng lưu của năm kiến. Tụng nói: các kiến tức là năm kiến.

Từ thứ hai của đại văn này, phân biệt các môn. Trong đó chia làm năm: 1. Phân biệt ba đoạn ; 2. Nói rộng ba tánh ; 3. Nói rộng ba cõi; 4. Tương ứng sáu thức; 5. Tương ứng năm thọ.

1. Ba đoạn. Luận chép: Cấu này và triển làm sao dứt?

Tụng chép:

*Triển vô tâm, quý, miên
Trạo, hôn kiến tu đoạn
Còn lại và phiền não Vì
tự tại, chỉ tu.*

Giải thích: Trong triển thì vô tâm, vô quý, thù miên, hôn trầm, trạo cử, năm thứ này tương ứng với kiến hoặc, đó là thế thì dứt, tương

ưng với tu hoặc, đó là tu thì dứt. Còn lại, đó là tật, san, phần, phú, hối và phiền não là sáu cấu. Vì mười một thứ này tự tại khởi lên, chỉ có tùy miên sở đoạn, không theo hoặc khác. Tự sức mình mà khởi lên, chỉ tương ứng với vô minh, gọi là tự tại.

10. Nói về ba tánh:

Từ phần thứ hai này, nói về ba tánh. Luận chép: Tùy phiền não này cái nào có tánh nào?

Tụng rằng:

*Dục ba, hai còn ác
Cõi trên đều vô ký.*

Giải thích: Dục ba, hai. Là ba thứ: Thùy miên, hôn trầm, trạo cử cõi Dục có cả hai tánh, bất thiện và vô ký. Tương ứng với thân kiến, biên kiến là tánh vô ký. Dư ác: Còn lại tùy hoặc đều là tánh bất thiện. Cõi trên đều vô ký. Trong hai cõi trên, tất cả tùy hoặc đều chỉ có tánh vô ký.

11. Nói rộng về ba cõi:

Từ phần thứ ba này, nói nói rộng ba cõi. Luận chép: Tùy phiền não này, thế nào là về ba cõi giới trói buộc?

Tụng rằng:

*Siểm, cống sơ thiên Dục
Ba (hôn, trạo, kiêu) ba cõi, dư Dục.*

Giải thích: Siểm, cống chỉ ở Sơ thiên cõi Dục, vì mình và người nương tựa nhau. Ba ba cõi: Ba là hôn trầm, trạo cử, kiêu đều, có ở ba cõi. Dư dục: Dư: Ngoại trừ năm thứ trước, còn lại là tùy hoặc chỉ trói buộc cõi Dục.

12. Nói về tương ứng sáu thức:

Từ phần thứ tư này, nói về tương ứng sáu thức. Sau đây là nói chung về bốn hoặc và tùy hoặc, trong sáu thức, thức nào khởi địa nào?

Tụng rằng:

*Thế thì dứt mạn, miên
Tự tại tùy phiền não
Đều chỉ ý địa khởi
Còn nương cả sáu thức.*

Giải thích: Hoặc thế thì dứt và mạn, miên tu thì dứt, đều tự tại đối với tùy phiền não, tức là năm triền ở trước như tật v.v... và sáu cấu. Kiến đoạn v.v... này chỉ khởi ở ý địa. Dựa vào năm thân thức thì không dễ khởi lên. Còn lại nương cả sáu thức: Còn lại nghĩa là tùy miên dứt tham, sân, vô minh và tương ứng với tu hoặc. Vô tà, vô quý, hôn trầm, trạo

cử đều ở trong đại phiến não. Bất tín, biếng nhác, buông lung; những thứ này gọi là còn lại. Các hoặc còn lại này, mỗi hoặc đều có ở sáu thức địa mà khởi.

13. Nói về tương ứng năm thọ:

Từ phần năm này, nói về tương ứng năm thọ. Trong phần này chia làm hai: 1. Nói về tương ứng bốn hoặc; 2. Nói về tương ứng tùy hoặc.

1. Nói về tương ứng bốn hoặc:

Tụng rằng:

*Các phiến não cõi Dục
Tham tương ứng hỷ lạc
Sân ưu khổ si khắp
Tà kiến, ưu và hỷ.
Nghĩ ưu, năm hỷ khác
Tất cả tương ứng xả
Cõi trên đều tùy ứng
Khắp các thọ thức mình.*

Giải thích: Trong các phiến não cõi Dục, tham tương ứng với hỷ thọ và lạc thọ. Vì hành hoan (vui vẻ) chuyển biến sáu thức. Sân tương ứng với ưu thọ và khổ thọ. Vì hành thích chuyển khắp sáu thức. Nói si khắp: Nghĩa là si tương ứng khắp với bốn thọ trên. Vì hành hoan, thích chuyển khắp sáu thức. Tà kiến ưu và hỷ. Nghĩa là tà kiến vì hành hoan, thích chuyển khắp chỉ ở ý địa, tương ứng với ưu, hỷ, trước gây ra tội nghiệp, sau khởi lên tà kiến tương ứng với hỷ thọ không sợ quả báo. Trước gây ra nghiệp lành, sau khởi tà kiến tương ứng với ưu thọ, phước lống uống. Nghĩ, ưu dư năm hỷ: Nghĩ tương ứng với ưu thọ, vì hành thích chuyển chỉ ở ý địa. Dư năm hỷ: Nghĩa là bốn thứ khác như thân kiến v.v... và mạn là năm, năm thứ còn lại này tương ứng với hỷ, vì hành hoan chuyển khắp chỉ ở ý địa. Tương ứng tất cả xả: Theo tương chung nên nói tất cả trên đây đều tương ứng với xả thọ. Vì lúc các tùy miên tương ứng đoạn chắc chắn trụ trong xả thọ. Địa trên đều tùy ứng khắp các thọ của thức mình: Ở đây nói cõi trên có phiến não tùy theo sự thích ứng của nó, cùng khắp các thức ở địa mình đều khởi lên. Các thọ tương ứng như trong sơ thiên, có đủ bốn thức. Nếu ba thức như nhãn thức v.v... khởi lên phiến não thì tương ứng với lạc thọ, xả thọ. Nếu ý địa khởi hoặc thì tương ứng với hỷ thọ, xả thọ. Nhị thiên trở lên cho đến Hữu đẳng chỉ có ý thức. Nếu Nhị thiên khởi hoặc thì tương ứng với hỷ thọ, xả thọ. Nếu ba thiên khởi hoặc thì tương ứng với lạc thọ, xả thọ. Thiên thứ tư trở lên cho đến Hữu Đẳng khởi phiến não, thì chỉ tương ứng xả.

14. Nói về tùy hoặc tương ứng với năm thọ:

Từ phần thứ hai này, nói tùy hoặc tương ứng với năm thọ. Luận chép: Đã nói phiền não tương ứng với các thọ, nay kế sẽ nói về tùy phiền não.

Tụng rằng:

*Trong các tùy phiền não
Tật, hối, phần và não
Hại, hận, ưu đều khởi
San tương ứng hỷ (thọ)
Siểm, cuống và miên, phú
Thông cùng khởi ưu, hỷ
Kiêu hỷ, lạc đều xả
Bốn khác tương ứng khắp.*

Giải thích: Trong tùy phiền não thì tật, hối, phần, não, hại, hận; sáu thứ này chỉ tương ứng với ưu thọ, vì hành thích chuyển chỉ ở ý địa. San tương ứng với hỷ thọ, vì hành hoan chuyển biến chỉ ở ý địa. Siểm, cuống, miên, phú; bốn thứ này tương ứng với cả ưu thọ, và hỷ thọ, vì hành hoan, hành thích chuyển biến chỉ ở ý địa. Kiêu tương ứng với hỷ thọ, lạc thọ. Nhị thiền trở xuống tương ứng với hỷ thọ. Kiêu của thiền thứ ba tương ứng với lạc thọ, vì hành hoan chuyển biến chỉ ở ý địa.

Tụng nói đều xả: Tùy hoặc trên đây y theo tương chung nên nói tất cả đều tương ứng với xả thọ. Lúc nối tiếp dứt chắc chắn trụ vào xả thọ. Bốn thứ còn lại tương ứng khắp: Dư: nghĩa là vô tâm, vô quý, hôn trầm, trạo cử. Bốn thứ này tương ứng với cả năm thọ, vì hoan, thích hành chuyển khắp sáu thức.

15. Nói về năm cái:

Từ phần thứ ba này nói về năm cái. Luận chép: Nay kế là nói về tướng của năm cái thế nào?

Tụng rằng:

*Năm cái chỉ ở Dục
Vi thực, tri, dụng đồng nhau
Tuy hai lập một cái
Tùy uẩn nên chỉ năm.*

Giải thích: hai câu trên nói về năm cái, hai câu dưới nói về phước lập. Năm cái chỉ ở cõi Dục: Phật dạy năm cái: Dục tham, sân nhuế, hôn miên, trạo hối, nghi. Nhưng năm cái này chỉ ở cõi Dục. Vì kệ kinh nói năm thứ như thế hoàn toàn là sự chứa nhóm các bất thiện. Cõi trên không có bất thiện, nên biết năm cái chỉ ở cõi Dục.

Hỏi: Vì sao hai pháp hôn trầm, thù miên và hai pháp trạo cử, hối, hợp thành một cái?

Đáp: Tụng chép: Thực trị dụng đồng cố, tuy hai mà lập thành một cái, thực là sở thực, trị là năng trị, tức chẳng phải thực. Thực đồng: Cái hôn miên đồng có năm thực: 1. Mờ tối; 2. Bất lạc; 3. Tần thân; 4. Tánh thực không bình đẳng, tức no quá độ; 5. Tánh tâm mờ tối yếu kém, tức do mệt nhọc sinh.

Trị đồng: Hai thứ này chẳng phải Thực. Nghĩa là tưởng ánh sáng dụng đồng: Hai thứ này đều làm cho tâm mờ tối. Hai cái là trạo, hối. Thực đồng: Là bốn thứ pháp: 1. Bà con tâm; 2. Cõi nước tâm; 3. Không chết tâm; 4. Tùy niệm tích tâm. Tùy theo sự trải qua của sự việc mà nhớ nghĩ tìm cầu. Trị đồng: Hai thứ này chẳng phải Thực. Đó là Xa-ma-tha (Thiền định). Dụng đồng: hai thứ này làm cho tâm không vắng lặng.

Hỏi: Các phiền não v.v... đều có nghĩa ngăn che, vì sao Thế tôn chỉ nói năm thứ này?

Đáp: Tụng chép: Vì chướng uẩn nên chỉ nói năm thứ. Nghĩa là cái tham nhuế ngăn che giới uẩn, hôn miên ngăn che tuệ uẩn, trạo hối ngăn che định uẩn. Vì không có Định - Tuệ nên đối với bốn đế sinh nghi ngờ. Vì nghi nên làm ngăn ngại giải thoát uẩn và giải thoát tri kiến uẩn đều không khởi được. Vì vậy chỉ nói năm thứ này lập ra làm Cái. Theo kinh bộ giải thích: hôn miên chướng định, trạo hối chướng tuệ. Vì chắc chắn chướng lý nên trước chướng tuệ.

16. Nói về hoặc diệt:

Từ phần thứ hai của đại văn này nói hoặc diệt. Trong đó chia làm sáu: 1. Nói nhân đoạn hoặc; 2. Nói bốn thứ đối trị; 3. Nói chỗ dứt phiền não; 4. Nói bốn tánh xa lìa; 5. Nói dứt hoặc đặc diệt; 6. Nói chín thứ biến tri.

17. Nói về bốn nhân dứt hoặc:

Sau đây phần thứ nhất nói bốn nhân dứt hoặc. Luận chép: Nay nên suy nghĩ chọn lựa, cõi khác biến hành và kiến diệt đạo đoạn. Hữu lậu duyên với các hoặc, ở giai vị dứt không biết sở duyên kia. Lúc biết sở duyên kia thì các hoặc không dứt. Như vậy các hoặc dứt nhờ nhân gì?

Giải thích: Là câu hỏi: Cõi khác biến hành là chín duyên hoặc trên sở duyên biến hành này là khổ đế, tập đế của cõi trên, và kiến diệt đạo đoạn hữu lậu duyên các hoặc: Nghĩa là sau diệt đế, đạo đế là tham, sân, mạn. Đó là tham, sân, mạn duyên hữu lậu. Ở đây sở duyên của tham v.v... chính là tà kiến, nghi, vô minh. Đối với giai vị dứt kia,

hoặc giai vị dứt của biến hành cõi khác: Nghĩa là lúc trí nhãn của khổ đế, tập đế sinh, như duyên hữu lậu của diệt đế, đạo đế sinh, không biết sở duyên kia. Nếu lúc dứt cõi khác biến hành, không biết khổ đế tập đế của cõi trên. Nếu lúc dứt duyên hữu lậu của diệt đế, đạo đế, thì không biết tà kiến, nghi, vô minh kia. Vì trí nhãn của diệt đế, đạo đế chỉ biết diệt đế, đạo đế. Lúc biết sở duyên kia thì cái kia không dứt. Biết sở duyên biến hành của cõi khác. Nghĩa là loại trí của khổ đế, tập đế ở cõi trên. Nhưng biến hành của cõi kia không dứt, vì cho rằng đã dứt, nên không dứt. Biết dưới diệt đế, đạo đế, hoặc duyên hữu lậu, lúc sở duyên, nghĩa là trí nhãn của khổ đế, tập đế. Vì trí nhãn của khổ đế, tập đế biết khổ đế, tập đế. Dưới diệt đế, đạo đế kia, thể của tà kiến, nghi, vô minh là khổ đế, tập đế. Trí nhãn của khổ đế, tập đế sinh có thể biết cái kia. Nhưng tham sân tà kiến kia v.v... không dứt, nghĩa là chưa khởi trí nhãn của Diệt đế, đạo đế. Lại luận chép: Vì không cần biến tri sở duyên cho nên dứt (là đáp câu hỏi trước) dứt hoặc, như thế đều do mấy nhân? Lại nêu Do bốn thứ nhân, (là đáp chung) bốn nhân là gì? (là hỏi).

Tụng rằng:

*Vì biến tri sở duyên
Vì dứt năng duyên kia
Vì dứt sở duyên kia
Đối trị khởi nên dứt.*

Giải thích: Ba câu trước nói về dứt nhân kiến hoặc. Câu thứ tư nói dứt nhân tu hoặc. Dứt kiến hoặc, đều do ba nhân. Vì biến tri sở duyên. Nghĩa là khổ đế, tập đế dứt duyên hoặc cõi mình. Vì duyên cõi mình duyên với khổ đế của cõi mình, cõi Dục. Trí nhãn của khổ đế, tập đế sinh; đã biết khổ đế, tập đế. Vì vậy biết duyên hoặc của cõi mình dứt, do biến tri sở duyên đoạn. Sở duyên: Tức là khổ đế, tập đế. Và kiến diệt đạo đoạn là duyên hoặc vô lậu, vì tà kiến, nghi, vô minh duyên với vô lậu của diệt đế, đạo đế. Trí nhãn của diệt đế, đạo đế sinh biết diệt đế, đạo đế thì tà kiến, nghi, vô minh kia liền dứt, gọi là vì biến tri sở duyên cho nên đoạn. Nói sở duyên tức là diệt đế, đạo đế. Vì dứt năng duyên kia. Nghĩa là thấy khổ đế, tập đế đoạn duyên của cõi khác. Vì duyên hoặc cõi mình duyên với duyên hoặc cõi khác. Duyên hoặc cõi khác là cảnh sở duyên, duyên hoặc cõi mình là tâm năng duyên. Nếu lúc dứt duyên hoặc của cõi mình, thì duyên hoặc cõi khác liền dứt theo. Gọi là vì dứt năng duyên kia cho nên dứt. Nói năng duyên tức là duyên của cõi mình. Vì dứt sở duyên kia tức là nhân thứ ba. Đây gọi là dứt vì đoạn sở duyên kia cho nên dứt. Nghĩa là thấy diệt đế, đạo đế

dứt duyên hoặc hữu lậu. Vì trong diệt đế, đạo đế thì tham v.v... là duyên hoặc hữu lậu duyên với tà kiến v.v... duyên hoặc vô lậu. Duyên hoặc vô lậu gọi là sở duyên. Nếu dứt Sở duyên thì năng duyên hữu lậu kia duyên hoặc cũng dứt theo. Cho nên gọi đoạn vì dứt sở duyên kia. Nói sở duyên: Tức là duyên hoặc vô lậu. Vì đối trị khởi nên dứt. Nghĩa là chín phẩm tùy miên hoặc do chín phẩm đạo có công năng đối trị. Nếu dứt thượng thượng phẩm hoặc thì đối trị là hạ hạ phẩm đạo. Cho đến hạ hạ phẩm hoặc thì đối trị là thượng thượng phẩm đạo. Môn đối trị này, sau sẽ giải thích rõ.

18. Nói về bốn thứ đối trị:

Từ phần thứ hai này, nói về bốn thứ đối trị. Luận chép: Những điều được nói về đối trị, gồm có mấy thứ?

Bài tụng chép:

*Đối trị có bốn thứ
Là dứt, trì, viễn, yếm.*

Giải thích: đối trị có bốn: 1. Đoạn đối trị. Nghĩa là đạo Vô gián, dứt bỏ phiền não; 2. Trì đối trị. Nghĩa là đạo giải thoát, đạo này có công năng giữ gìn trạch diệt. Sau đạo Vô gián gọi là đạo giải thoát. 3. Viễn phân đối trị. Nghĩa là đạo thắng tiến, khiến hoặc bị dứt được chuyển xa lìa. Sau đạo giải thoát gọi là đạo thắng tiến. 4. Yếm họn đối trị. Nghĩa là đạo gia hành, duyên với khổ đế, tập đế sinh nhàm chán. Trước đạo Vô gián gọi là đạo gia hành. Luận chủ văn này rằng: 1. Gia hạnh; 2. Vô gián; 3. giải thoát; 4. Thắng tiến.

19. Nói về chỗ dứt hoặc:

Từ phần thứ ba này, nói về chỗ dứt hoặc. Luận chép:

Các hoặc dứt hẳn, là xác định theo cái gì?

Tụng rằng:

*Nên biết theo sở duyên
Khiến dứt trừ các hoặc.*

Giải thích: nên biết các hoặc, lúc được dứt hẳn không thể khiến nó lìa pháp tương ứng, vì chúng gần nhau. Nhưng có thể làm cho hoặc xa lìa sở duyên, khiến sở duyên không còn sinh lại.

20. Nói về bốn tánh xa lìa:

Từ phần thứ tư này, nói về bốn tánh xa lìa, luận chép: Đã nói viễn phần, còn viễn tánh có bao nhiêu?

Tụng rằng:

*Tánh viễn có bốn thứ
Là tương, trị, xứ, thời*

*Như đại chủng, thi-la
Phương khác tôn hai đời.*

Giải thích: Hai câu trên là nêu, hai câu dưới là giải thích. Tánh xa lia có bốn: 1. Tướng viển; 2. Trị viển; 3. Xứ viển; 4. Thời viển.

Như đại chủng: Như bốn đại tuy đi chung, nhưng vì tướng xa lia cũng gọi là xa lia. Như thi-la: như trì phạm giới. Đây gọi là xa lia đối trị. Tuy trong một thân có trì giới, phạm giới, nhưng vì đối trị nhau cũng gọi là xa lia. Khác phương: Như biển Đông Tây, đó gọi là xứ xa lia, vì tuy đồng một thể giới mà nơi chốn cách nhau cũng gọi là xa lia. Hai đời: Như đời quá khứ, đời vị lai. Đây cũng gọi là thời xa lia. Tuy đối với một pháp lập hai đời này, đối với đời hiện tại. Vì thời gian xa cách cũng gọi là xa lia. Tóm lại, vì nói nêu việc chưa tường tận, như sắc được tạo ra, v.v... cũng gọi là xa lia tướng. Như tánh thiện ác v.v... cũng gọi là xa lia đối trị. Như biển Nam, biển Bắc v.v... gọi là xứ xa lia.

21. Nói về dứt hoặc đắc diệt:

Từ phần thứ năm này, nói về dứt hoặc đắc diệt, luận chép: trước nói dứt hoặc do trị đạo sinh. Lúc đạo thắng tiến đã dứt các hoặc là dứt lần hai phải không? (Câu hỏi một) Đã được lia buộc rồi có được lại nữa không? (Câu hỏi hai).

Tụng rằng:

*Các hoặc không lại dứt
Lìa buộc có đắc lại
Nói trị sinh đắc quả
Trong sáu thời luyện căn.*

Giải thích: câu đầu trả lời câu hỏi thứ nhất, ba câu sau trả lời câu hỏi thứ hai. Các hoặc không dứt lần nữa: các hoặc dứt tức thời, nên không lui sụt, chắc chắn không có nghĩa lúc sau dứt hoặc lại. Lìa buộc, thắng tiến, lại khởi đắc mạnh mẽ, đắc vô vi ở trước, vì vậy vô vi lại chấp nhận đắc lại. Nói chung có sáu thời. Nghĩa là trị sinh có một, đắc quả có bốn là thời thứ sáu của luyện căn. Trị sinh thời: Là đạo giải thoát. Đắc quả thời: Nghĩa là đắc quả Dự lưu, nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Luyện căn thời: Nghĩa là luyện độn căn chuyển thành lợi căn. Trong sáu thời này, các hoặc lìa buộc theo đạo Thắng tiến, lại khởi đắc mạnh mẽ. Như hệ (trói buộc) của cõi Dục, thấy bốn đế thì dứt bỏ, cõi Sắc, cõi Vô Sắc thấy ba đế thì đoạn diệt, trừ đạo đế. Tất cả vô vi có đủ sáu thời đắc, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, thấy đạo đế thì dứt. Tất cả vô vi chỉ có năm thời đắc, vị trị sinh thời tức đắc quả, không nên ở đây mà chia làm hai thời.

Giải thích: Đạo loại trí khởi, gọi là trị sinh thời, tức đắc quả dự lưu.

Cho nên trong sáu thời, trừ một trị sinh thời, cỡi Dục tùy miên dứt, năm phẩm vô vị cũng năm thời đắc, trừ quả Dự lưu. Cỡi Dục tu đoạn, phẩm thứ sáu vô vị, chỉ có bốn thời đắc. Đó là đối với năm thời trước, lại trừ một thời, vì đắc quả thời không giống trị sinh thời. Giải thích: Đạo giải thoát thứ sáu khởi gọi là trị sinh thời, tức đắc quả nhất lai, trừ một thời trị sinh, cỡi Dục tu dứt. Phẩm thứ bảy thứ tám vô vị cũng bốn thời đắc, trong bốn đắc quả trừ hai quả trước, cỡi Dục tu dứt. Phẩm thứ chín vô vị chỉ có ba thời đắc. Nghĩa là đối với bốn thời trước, lại trừ một thời, vì trị sinh thời tức là Đắc quả thời. Giải thích: đạo giải thoát thứ chín khởi, gọi là trị sinh thời, tức đắc quả Bất Hoàn, trừ một thời trị sinh, cỡi Sắc, vô cỡi Sắc, tu đoạn vô vị, chỉ trừ Hữu Đảnh. Phẩm thứ chín vô vị, và các vô vị khác cũng có ba thời đắc, trong bốn quả đắc, trừ ba quả trước. Hữu Đảnh thứ chín chỉ có hai thời đắc, nghĩa là trong ba thời trước, lại trừ một thời, vì thời trị sinh thì đắc quả. Giải thích: Đạo giải thoát thứ chín khởi, gọi là Trị sinh thời, tức đắc quả A-la-hán, trừ một thời trị sinh. Đây là nói theo người độn căn và thứ lớp chứng quả. Nếu người lợi căn thì không có luyện căn. Nếu người siêu việt quả thì bất định.

22. Nói về chín biến tri:

Từ phần thứ sáu này, nói về chín biến tri, trong đây có sáu: 1. Nêu chín tên gọi biến tri; 2. Nói về sáu đối quả; 3. Nói về lập ra duyên biến tri; 4. Nói về thành tựu biến tri; 5. Nói về xứ tập biến tri; 6. Nói về đắc xả biến tri.

Sau đây phần một, nêu tên biến tri:

Lại biến tri có hai: Trí biến tri và đoạn biến tri.

Trí biến tri: Là trí vô lậu, đối với cảnh Bốn đế, biết cùng khắp tất cả, gọi là trí biến tri.

Đoạn biến tri: Nghĩa là các dứt, dứt là trạch diệt. Do đoạn hiển bày, trạch diệt gọi là dứt. Đoạn biến tri: Ở đây đối với quả mà gọi là nhân. Biến tri là nhân, dứt gọi là quả, cho nên dứt gọi là biến tri là trên quả mà gọi là nhân. Luận chép: Vì dứt tất cả mà lập một biến tri? Là Không đúng, vì sao? Tụng rằng:

Dứt biến tri có chín

Dục sơ hai dứt một

Hai đều một hợp ba.

Cỡi trên ba cũng vậy

Còn năm thuận hạ phần

Sắc tất cả dứt ba.

Giải thích: Câu thứ nhất nêu số lượng, ba câu kế nói sáu biến tri

của thấy đế, hai câu sau nói ba biến tri của tu đạo.

Dục Sơ hai dứt một: Đó là trời buộc của cõi Dục, đầu tiên dứt khổ đế, tập đế, lập một biến tri.

Hai đều một hợp ba: Hai nghĩa là diệt đế, đạo đế của cõi Dục, mỗi đế lập một biến tri. Nói hợp ba: Bốn đế của cõi Dục, hợp thành ba biến tri: 1. Biến tri thấy khổ đế, tập đế dứt; 2. Biến tri thấy diệt đế dứt; 3. Biến tri thấy đạo đế dứt.

Cõi trên ba cũng thế: Bốn đế của hai giới trên, hợp thành ba biến tri, như số lượng của cõi Dục, nên nói cũng vậy: 1. Biến tri thấy khổ đế, tập đế dứt của cõi Sắc, cõi Vô Sắc; 2. Biến tri thấy diệt đế dứt của cõi Sắc, cõi Vô Sắc; 3. Biến tri thấy đạo đế dứt của cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Sáu thứ biến tri này, gọi là thấy đế của ba cõi. Pháp sở đoạn đã dứt, sáu thứ biến tri. Pháp đoạn gọi là trạch diệt.

Dư năm thuận phần dưới sắc tất cả dứt ba: Dư: Nghĩa là ba cõi, pháp tu đoạn dứt lập ba biến tri. Vì ngoài kiến đoạn gọi là Dư. Tu hoặc cõi Dục không còn lập một biến tri, gọi là biến tri năm thuận kiết phần dưới hết. Thể của biến tri này giống thấy đế trước, sáu thứ biến tri và tu đoạn này, chín phẩm vô vi, gom chung gọi là biến tri năm thuận kiết phần dưới hết. Nên luận chép: Biến tri năm thuận phần dưới kết hết giống trước đã lập. Giải thích: Giống thấy đế ở trước: Sắc tất cả dứt ba: Sắc: nghĩa là cõi Sắc, hoặc tu đạo hết lập một biến tri, gọi là biến tri sắc ái hết. Tất cả dứt: Hoặc tu đạo cõi Vô Sắc hết, lập một biến tri, gọi là biến tri tất cả kiết hết. Thể của biến tri này gọi chung kiến tu vô vi của ba cõi là Thể biến tri của tất cả kiết hết. Nên luận chép: tất cả kiết hết chung với biến tri ở trước, giống như trước đã lập. Giải thích: Giống như kiến tu đoạn vô vi ở trước. Bài tụng nói ba: Kiết tùy miên dứt của ba cõi trên lập ba biến tri.

Hỏi: Vì sao tu đoạn của cõi Sắc, cõi Vô Sắc lập riêng biến tri, chẳng phải thế thì dứt?

Đáp: Vì hoặc tu thì dứt của cõi Sắc, cõi Vô Sắc đối trị khác nhau. Biến tri lập riêng, kiến đoạn đối trị giống nhau, nên nói chung với biến tri.

23. Nói về sáu đối quả:

Từ phần thứ hai này, nói về sáu đối quả. Luận chép: Đã lập chín thứ biến tri như thế sẽ nói trong đó có bao nhiêu đạo quả?

Tụng rằng:

*Trong đó nhân quả sáu
Còn ba là trí quả*

*Quả Vị Chí tất cả
Căn bản năm hoặc tám
Bên Vô Sắc quả một,
Ba căn bản cũng thế.
Tục quả hai Thánh chín
Pháp trí ba thứ hai,
Pháp trí phẩm quả sáu
Loại trí phẩm quả năm.*

Giải thích: Đây có sáu đối quả, hai câu đầu nói nhãn trí quả, hai câu kế nói quả căn bản Vị Chí, hai câu kế nói quả căn bản cận phần của cõi Vô Sắc, một câu kế nói về tục Thánh quả, một câu kế nói pháp loại trí quả, hai câu kế nói pháp loại trí phẩm quả.

Trong đó nhãn quả có sáu, trong biến tri nhãn quả có sáu. Đó là sáu biến tri của thấy đế. Nhãn: là tám nhãn, sáu thứ biến tri là chỗ đặc của Nhãn, gọi là Nhãn quả. Dư ba là bốn quả: Dư: là ba thứ biến tri của tu đoạn. Ba trí quả này chỉ có trí đặc, quả Vị Chí tất cả: Nghĩa là định vị chí, sẽ dứt kiến hoặc tu hoặc của ba cõi. Có đủ tám biến tri nên nói là tất cả. Căn bản năm hoặc tám: Các Sư Tỳ-bà-sa nói: Thiên định căn bản, quả chỉ có năm vì địa căn bản chỉ sẽ dứt hỷ hoặc kiến tùy miên của cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Vì vậy có ba quả về kiến đế hai quả tu dứt của cõi trên, vì không thể dứt bỏ được hoặc cõi Dục nên bốn biến tri của cõi Dục không phải quả căn bản. Hoặc tám: Có người nói: là Sư Diệu Âm nói, sư nói căn bản có tám quả biến tri. Trong năm quả trước lại thêm ba quả biến tri về thấy đế của cõi Dục. Nghĩa là trước còn ở địa vị phàm phu xa lìa ô nhiễm của cõi Dục, sau đó y vào địa căn bản. Lúc nhập vào Thấy đế của cõi Dục đối với sự trói buộc của cõi Dục thấy bốn đế dứt bỏ y theo đường riêng dẫn đến đặc vô lậu. Dẫn theo đường riêng: Đó là pháp trí và pháp nhãn. Địa vị của đường riêng này khởi năng đặc đặc, đặc ba thứ biến tri thấy đế của cõi Dục. Ba thứ biến tri thấy đế này cũng là quả địa căn bản, trừ năm thuận phần dưới, vì năm thuận phần dưới chỉ là quả Vị Chí. Nghĩa là căn bản địa đã khởi thấy đạo, không cho phép tu tập, vì tu hoặc của cõi Dục kia dứt đối trị, vì thấy tu khác nhau nên không tu. Vì thế biến tri năm phần dưới chẳng phải quả địa căn bản. Vô Sắc biên quả, một là Bên, là cận phần không xứ, vì gần không xứ nên gọi là bên cạnh Vô Sắc. Do cận phần không xứ khởi đạo hữu lậu sẽ dứt bỏ hết tu hoặc của cõi Sắc, chỉ đặc sắc ái hết và một quả biến tri. Ba căn bản cũng thế: Ba căn bản trước của Vô Sắc trừ Hữu đánh, chỉ đặc tất cả kiến tận là một quả biến tri. Vì số một giống ở trước nên nói cũng

vậy. Tục quả hai: đạo quả tục đế có hai, nghĩa là đạo thể tục có công năng dứt bỏ tu thì dứt của cõi Dục, cõi Sắc, đắc năm thuận phần dưới và sắc ái hết là hai quả biến tri. Bạc Thánh có chín, nghĩa là sức mạnh của Thánh đạo có công năng dứt bỏ hết kiến tu hoặc của ba cõi, được chín quả biến tri. Pháp trí có ba: quả pháp trí có ba nghĩa là sức mạnh của pháp trí sẽ dứt bỏ hết tu hoặc của ba cõi, đắc ba quả biến tri của tu đoạn, quả loại trí có hai: nghĩa là sức mạnh của loại trí chỉ sẽ dứt hẳn tu thì dứt của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, đắc sắc ái hết và tất cả kiến hết là hai quả biến tri. Quả pháp trí có sáu: phẩm là loại. Pháp trí pháp nhãn đồng phẩm loại, gọi là Pháp trí phẩm. Trước nói pháp nhãn đắc ba quả, pháp trí đắc ba quả, nay pháp trí phẩm và nhãn trí phẩm nói lẽ ra đắc sáu quả. Quả loại trí phẩm có năm: phẩm đồng với giải thích ở trước. Trước nói loại nhãn đắc ba quả, loại trí đắc hai quả, nay loại trí phẩm và nhãn trí phẩm này cùng nói lẽ ra đắc năm quả.

24. Nói về duyên biến tri:

Từ phần thứ ba này nói về duyên biến tri. Luận chép: Vì sao mỗi phần đoạn không lập biến tri riêng, mà chỉ theo như chín vị như trước để kiến lập?

Tụng rằng:

*Đắc đoạn, đắc vô lậu
Và thiếu hữu thứ nhất
Diệt hai nhân vượt quả
Nên lập chín biến tri.*

Giải thích: Do ba duyên lập sáu quả nhãn: 1. Đắc vô lậu đoạn đắc: là đắc cái đắc của trạch diệt vô lậu. 2. Thiếu hữu đẳng: đó là địa hữu đẳng, trong hoặc của năm bộ tùy theo không thành tựu bất cứ hoặc của một bộ nào, đó gọi là khuyết. 3. Diệt hai nhân: nghĩa là diệt nhân đồng loại của bộ mình và nhân biến hành của tha mình, gọi là diệt hai nhân. Nghĩa là các bộ mình của năm bộ là nhân đồng loại. Nếu khổ đế, tập đế làm nhân biến hành lẫn nhau. Ba bộ còn lại dùng khổ đế tập đế làm nhân biến hành. Nếu các chúng sinh dứt được khổ đế, tập đế, có diệt hai nhân thiếu hai duyên khác thì tuy được vô vi nhưng không lập biến tri. Nếu các bậc thành nhập địa vị thấy đạo, đến khổ loại nhãn hiện hành trở xuống thì tuy đắc vô lậu, nhưng vì thiếu hai duyên khác nên không lập biến tri. Nghĩa là khổ loại nhãn trí đoạn hoặc của Hữu đẳng tuy nhãn còn hiện hành trước mắt, nên không gọi là thiếu. Đến khổ loại trí tập pháp nhãn vị, tuy thiếu Hữu đẳng chưa diệt hai nhân, chưa diệt nhân biến hành của Tập đế nghĩa là Tập Pháp nhãn tuy dứt Tập bộ nhưng

chưa hề có việc không thành tựu nên không gọi là diệt. Giai vị pháp trí của tập vì ba duyên đầy đủ nên mới lập biến tri. Vì vậy hậu pháp trí trong giai vị loại trí đã được vô vi. Vì đủ ba duyên nên lập biến tri. Việt giới: đây là nói bốn duyên lập ba quả trí. Là đối với ba duyên trước lại vượt qua giới. Vượt qua cõi Dục lập thuận năm phần dưới, vượt qua cõi Sắc lập sắc ái hết, vượt qua cõi Vô Sắc lập biến tri tất cả kiến hết. Luận sư của Tập Tâm lập chung năm duyên đối với bốn duyên trước, thêm vào lia trói buộc. Nghĩa là xa lia trói buộc của bộ mình và trói buộc của tha mình, gọi là ly câu hệ.

Khác với hai nhân: Vì rộng trói buộc hẹp. Nghĩa là trói buộc chỉ có tùy miên, nhân tương ứng chung với pháp câu hữu.

25. Nói về thành tựu biến tri:

Từ phần thứ tư này, nói về thành tựu biến tri. Luận chép: ai thành tựu bao nhiêu biến tri?

Tụng rằng:

Vị Trụ thấy đế vô.

Hoặc thành một đến năm

Tu thành sáu một hai

Vô học chỉ thành một.

Giải thích: Vị trụ kiến vị vô: Thấy đạo có mười lăm tâm, năm tâm trước không có biến tri, hoặc thành một đến năm: ở địa vị thấy đạo đến tập pháp trí thứ sáu và tập loại nhãn chỉ thành một biến tri. Đến tập loại trí thứ tám và diệt pháp nhãn mới thành hai biến tri. Diệt pháp trí thứ mười và diệt hai nhãn thành ba biến tri. Đến diệt pháp trí thứ mười hai và đạo pháp nhãn thành bốn biến tri. Đến đạo pháp trí thứ mười bốn và đạo loại nhãn thứ mười lăm thành năm biến tri, nên nói từ một đến năm. Tu thành sáu, một, hai: tu nghĩa là ở giai vị tu đạo từ loại trí của đạo đế cho đến chưa lia nhiễm ô của cõi Dục, thành sáu biến tri và người lia cõi Dục lại lui sụt, cũng thành sáu biến tri. Hoàn toàn xa lia ô nhiễm cõi Dục, ái của cõi Sắc chưa hết thành một biến tri, đó là thuận phần dưới, hoặc trước lia Dục để nhập thấy đạo, cho đến loại trí của thấy đạo chưa khởi ái của sắc ái hết, lúc thắng quả đạo cũng thành một biến tri, đó là thuận phần dưới. Lại từ sắc ái hết khởi sắc triền, lui sụt và ở giai vị Vô học khởi sắc triền lui sụt, cũng thành thuận phần dưới một. Nếu sắc ái hết hẳn thành hai biến tri, đó là thuận phần dưới, và sắc ái hết. Hoặc trước lia sắc ái để nhập thấy đạo, trừ loại trí của đạo đế, sau đó khởi sắc ái hết được thắng quả đạo. Cho đến chưa xa lia hoàn toàn Vô Sắc ái, trước thành thuận phần dưới và sắc ái hết. Từ địa vị Vô học khởi triền

của Vô Sắc lui sụt cũng thành thuận phần dưới và sắc ái hết. Vô học được thành nhất: nghĩa là biết khắp tất cả kiết đều biết khắp.

26. Nói về tập biết khắp.

Từ phần thứ năm này, nói về tập biến tri, vì sao lại có quả Bất hoàn, quả A-la-hán. Tập hợp chung tất cả các đoạn thành một biến tri.

Tụng:

*Vì vượt cõi, đắc quả
Hai nơi tập biến tri.*

Giải thích: Vì có đủ hai duyên nên nhóm hợp chung biết khắp, một là vượt quả, hai là đắc quả. Lúc lìa nhiễm ô cõi Dục thì vượt qua cõi Dục, đắc quả Bất hoàn. Lúc lìa nhiễm ô cõi Vô Sắc thì vượt qua cõi Vô Sắc, đắc quả Vô học. Vì vậy đối với hai quả gom nhóm chung biết khắp.

27. Nói về đắc xả biết khắp:

Từ phần thứ sáu này nói đắc xả biến tri, Luận chép: cái gì xả, cái nào đắc, có mấy thứ biến tri.

Tụng rằng:

*Xả một, hai, năm, sáu
Đắc cũng vậy trừ năm.*

Giải thích: Xả một: nghĩa là đạo Vô học lui sụt, xả một biến tri tất cả kiến hết, và sắc ái hết lui sụt xả biến tri thối hết. Cùng hoàn toàn lìa dục lui sụt xả một biến tri năm thuận phần dưới. Xả hai: nghĩa là các vị Bất Hoàn từ sắc ái hết khởi dục triền lui sụt, xả sắc ái hết và thuận phần dưới (là hai biến tri). Khi chứng quả A-la-hán cũng xả hai biến tri trước. Xả năm: nghĩa là trước lìa dục sau nhập thấy đạo cho đến loại trí của đạo đế. Lúc chứng quả bất hoàn được một biến tri thuận phần dưới, xả sáu biến tri của nhân trước. Đắc cũng vậy trừ năm: nghĩa là đắc biến tri, có đắc một, đắc hai, đắc sáu như số lượng của xả trước, nên nói cũng vậy, chỉ trừ đắc năm. Nói đắc một: nghĩa là đắc cái chưa đắc, trong chín biến tri, mỗi mỗi dần đắc đều gọi là đắc một. trước giai vị thấy đạo thành biến tri hai, ba, bốn, năm v.v... là nói theo thành tựu, vì thế trở thành có cả trước sau. Đắc chỉ y theo ban đầu, nên trong dần đắc không có đầu tiên đắc biết khắp một, hai, ba, bốn, năm v.v... sau đây nói đắc hai, sáu: chỉ nói theo địa vị lui sụt chuyển đắc, chẳng phải y theo dần đắc. Cho đến từ Vô học khởi đắc triền lui sụt cũng gọi là đắc một, đó là thuận phần dưới. Nói đắc hai: nghĩa là từ Vô học khởi Vô Sắc triền lui sụt gọi là đắc hai, đó là sắc ái hết và thuận phần dưới. Nói đắc sáu: nghĩa là trừ quả bất hoàn lui sụt, trong một sát-na đắc sáu quả nhân.

